

Bản án số: 59/2020/HS - ST

Ngày 12 tháng 5 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Huynh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Ngọc Châu;

2. Bà Hoàng Thị Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đăng là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuỳ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 40/2020/HSST ngày 02 tháng 03 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 406/2020/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2020 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 504/2020/TB-TA ngày 7 tháng 5 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Phạm Lê Tuấn A, sinh ngày 04 tháng 12 năm 1994, tại TP. Hồ Chí Minh; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: X Nguyễn Trung Trực, phường Đông H, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; Chỗ ở: X Nguyễn Trung Trực, phường Đông H, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 12/12; con ông Phạm Văn O (Sinh năm 1967) và bà Lê Ngọc Đ (Sinh năm 1968); Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ 08 tháng 9 năm 2019 và có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Nguyễn Hoàng B, sinh ngày 16 tháng 6 năm 1997, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: X quốc lộ 1A, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố

Hồ Chí Minh; Chỗ ở: X quốc lộ 1A, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; con ông Trần Văn H (Sinh năm 1966) và bà Nguyễn Thị Ngọc T (Sinh năm 1965); Bị can là con thứ hai trong gia đình có 03 chị em ; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ 08 tháng 9 năm 2019 và có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Tiến D, sinh ngày 20 tháng 7 năm 2000, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: X tỉnh lộ 43, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: X tỉnh lộ 43, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; con ông Trần T (Sinh năm 1972) và bà Kiều Thị Trúc P (Sinh năm 1976); Bị can là con lớn trong gia đình có 02 anh em; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ 08 tháng 9 năm 2019 và có mặt tại phiên tòa.

4. Đỗ Xuân H, sinh ngày 26 tháng 1 năm 1989, tại Đồng Nai; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: X Cầu Hang, phường Hóa An, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai; Chỗ ở: X Cầu Hang, phường Hóa An, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; con ông Đỗ Xuân H2 (Sinh năm 1956) và bà Nguyễn Thị P (Sinh năm 1959); Bị can là con lớn trong gia đình có 02 anh em; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ 08 tháng 9 năm 2019 và có mặt tại phiên tòa.

5. Hoàng Trung K, sinh ngày 21 tháng 7 năm 1997, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: X đường Âu Cơ, Phường 10, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh; Chỗ ở: nhà không số đường Hồng Sến, phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; con ông Hoàng Văn T (Đã chết) và bà Nguyễn Thị N (Sinh năm 1960); Bị can là con lớn trong gia đình có 02 anh em; Vợ, con: Chưa có; Tiền án: 01 tiền án (Ngày 22/9/2016 bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tuyên phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Ngày 28/4/2018 thì chấp hành xong án phạt tù. Chưa xóa án tích), Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ 08 tháng 9 năm 2019 và có mặt tại phiên tòa.

6. Lê Hữu N, sinh ngày 28 tháng 4 năm 1996, tại Thành phố Hồ Chí Minh; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: X tỉnh lộ 43, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Không nơi cư trú nhất định.; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; con ông Lê

Văn Q (Sinh năm 1956) và bà Trần Thị N (Sinh năm 1962); Bị can là con nhỏ nhất trong gia đình có 03 anh chị em; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ 08 tháng 9 năm 2019 và có mặt tại phiên tòa.

7. Bùi Huy V, sinh ngày 03 tháng 11 năm 1982, tại Đồng Nai; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Hộ khẩu thường trú: X Đào Duy Anh, phường 9, quận P Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: X lầu 10 khu A3, chung cư Đạt Gia, đường Cây Keo, phường Tam P, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; con ông Bùi Văn T (Không rõ năm sinh) và bà Nguyễn Thị T (Sinh năm 1958); Bị can là con lớn trong gia đình có 02 anh em; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ 08 tháng 9 năm 2019 và có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Minh L, sinh năm 1985

Địa chỉ: X, KP4, tổ 51, Trần Nãi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1991

Địa chỉ: Ấp lô X, xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Ông Huỳnh Hữu T, sinh năm 1995

Địa chỉ: X Yersin, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Ông Trần Đức T, sinh năm 1981

Địa chỉ: X Trần Khắc Chân, phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh (vắng mặt).

5. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1958

Địa chỉ: X Nguyễn Cư Trinh, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Xuân H, sinh năm 1956

Địa chỉ: X Cầu Hang, phường Hoà An, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai (có mặt).

2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1962

Địa chỉ: Tỉnh lộ X, phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Bà Trần Thị Trương Q, sinh năm 1997

Địa chỉ: X ấp 7, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh (vắng mặt).

4. Ông Trần Xuân L, sinh năm 1981

Địa chỉ: X ấp 7, xã Phạm Văn Hai, huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh (vắng mặt).

5. Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1997

Địa chỉ: X đường Chương Dương, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

6. Ông Huỳnh Hoàng T, sinh năm 1999

Địa chỉ: X Rạch Bùng Binh, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

7. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Phòng X, Lầu Y số Z Đường D6, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

8. Ông Nguyễn Đức P, sinh năm 1989

Địa chỉ: Tổ X, Khu phố 3, phường Trảng Dài, thành phố Biên H, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

9. Bà Lê Hoàng Thiên B, sinh năm 2001

Địa chỉ: X Nguyễn Trãi, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

10. Bà Cao Mai Hồng Quế A, sinh năm 2000

Địa chỉ: X Hồng Sến, phường Long Thạnh Mỹ, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

11. Bà Nguyễn Minh T, sinh năm 1985

Địa chỉ: X Lê Văn Khương, phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 07 tháng 9 năm 2019, Phạm Lê Tuấn A, Trần Nguyễn Hoàng B, Lê Hữu N, Bùi Huy V, Hoàng Trung K, Trần Tiến D, Cao Mai Hồng Quế A là bạn ngoài xã hội cùng ăn uống ở nhà của Phạm Lê Tuấn A tại số X Nguyễn Trung Trực, tỉnh Bình Dương. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, cả nhóm thống nhất góp tiền đi đến Bar X trên đường Cống Quỳnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để nghe nhạc và sử dụng ma túy, riêng Quế A là nữ nên không phải góp. V có việc nên đã đưa cho Tuấn A 700.000 đồng để hùn mua ma túy sử dụng rồi đi về trước, sau đó sẽ đến sau. Các đối tượng Tuấn A, B, K, D, Quế A đi taxi đến Bar DC, còn Nhân đi xe mô tô riêng. Trên đường đi, Tuấn A điện thoại cho Lê Hoàng Trọng Tín (quản lý bar DC club) qua số điện thoại 0937209680 để đặt bàn, thì được Tín báo quán hôm nay bị kiểm tra nên nói nhóm Tuấn A qua quán cà phê Belie Bi số 119 Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, sau đó Tuấn A nhờ Tín mua 5.000.000 đồng ma túy và Tín nói sẽ có người liên lạc cho Tuấn A. Trên đường đi đến quán cà phê Belie Bi, B điện thoại rủ Lê Hoàng Thiên B, Đỗ Xuân H và Huỳnh Hoàng T đến chơi cùng nhóm, Tuấn A điện thoại rủ Nguyễn Văn T đến. Khi Tuấn A, B, K, D, Quế A đến quán cà phê X thì được T dẫn lên phòng bên trái cầu thang lên lầu 2. Tại đây, K gọi điện thoại rủ Nguyễn Hữu T đến chơi. Sau đó, H cùng Nguyễn Đức P (bạn của H) đến và được D đón lên lầu. Lúc này trong phòng có Tuấn A, B, K, D, H, Quế A cùng P, cùng lúc có người gọi Tuấn A xuống lấy ma túy, Tuấn A nói mọi người trong phòng hùn tiền để lấy ma túy, cụ thể K góp 1.000.000 đồng, D góp 1.000.000 đồng, Tuấn A góp 1.000.000 đồng, H góp 2.000.000 đồng, B thì thỏa thuận sau cuộc chơi thanh toán xong chia đều từng người thì B sẽ trả phần tiền của mình. Sau đó, Tuấn A nhận ma túy từ một người mặc đồ Grab (Không rõ lai lịch) đem lên phòng để trong 02 đĩa trên bàn bên trái phòng rồi đi ra ngoài. Lúc này, có nhân viên phục vụ quán (không rõ lai lịch) vào phòng lấy bịch ma túy ra chỗ bếp của phòng để cà ma túy ra cho nhóm sử dụng. Tiếp đó, N đến thì Tuấn A nói hùn tiền đã mua ma túy, N nói hết tiền và xin nợ sau cuộc chơi sẽ trả lại cho mọi người sau. Sau đó, lần lượt V, T1, T2, B và T3 đến thấy mọi người trong phòng đang sử dụng ma túy nên cùng sử dụng. Đến khoảng 02 giờ 20 phút ngày 08/9/2019, thì bị đoàn kiểm tra Công an Quận 1 gồm các ông Nguyễn Minh L, Nguyễn Mạnh C, Huỳnh Hữu T, Trần Đức T kiểm tra thì phát hiện trên bàn phía bên trái trong phòng (hướng từ cửa ra vào) có 01 đĩa sứ đựng 01 thẻ nhựa và 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, tại vị trí bàn chỉnh nhạc có 01 đĩa có chứa 01 thẻ nhựa, ống hút và bột màu trắng, các đối tượng khai là ma túy, tiếp tục kiểm tra người Trần Nguyễn Hoàng B phát hiện trong ví màu đen để ở túi phía sau bên phải của B đang mặc có 01 gói nylon chứa chất bột màu trắng (B khai là muối). Do đó, đoàn kiểm tra đã bắt giữ các đối tượng và thu giữ vật chứng đưa về Công an phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 lập biên bản bắt người phạm tội

quả tang sau đó chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Quận 1 để xử lý.

Theo bản Kết luận giám định số 1736/KLGD-H ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an Tp. Hồ Chí Minh kết luận:

- Gói 1: Tinh thể không màu trong 01 túi nylon được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Phạm Lê Tuấn A, Trần Nguyễn Hoàng B, Lê Hữu N, Bùi Huy V, Trần Tiến D, Hoàng Trung K, Nguyễn Văn T, Đỗ Xuân H, Huỳnh Hoàng T, Nguyễn Hữu T và hình dấu Công an phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 4,7119 gram, loại Ketamine.

- Gói 2: Bột màu trắng trong 01 túi nylon được niêm phong bên ngoài có các chữ ký ghi tên Phạm Lê Tuấn A, Trần Nguyễn Hoàng B, Lê Hữu N, Bùi Huy V, Trần Tiến D, Hoàng Trung K, Nguyễn Văn T, Đỗ Xuân H, Huỳnh Hoàng T, Nguyễn Hữu T và hình dấu Công an phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,441 gram, loại Ketamine.

- Gói 3: Bột màu trắng trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Trần Nguyễn Hoàng B và hình dấu Công an phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, không tìm thấy chất ma túy.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1, Phạm Lê Tuấn A, Trần Nguyễn Hoàng B, Lê Hữu N, Bùi Huy V, Trần Tiến D, Hoàng Trung K, Đỗ Xuân H khai nhận có sự thống nhất trong việc hùn tiền và đưa tiền cho Tuấn A mua ma túy Ketamine để sử dụng chung, trong đó H hùn 2.000.000 đồng, Tuấn A, K, D mỗi người hùn 1.000.000 đồng, V hùn 700.000 đồng, các bị can B, N thỏa thuận sau cuộc chơi ma túy, thanh toán tiền chia đều từng người thì B, N sẽ đưa phần tiền của mình sau. Cao Mai Hồng Quế A, Lê Hoàng Thiên B, Nguyễn Đức P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu T, Huỳnh Hoàng T chỉ sử dụng chất ma túy, không có sự bàn bạc, thống nhất trong việc mua ma túy để sử dụng chung. Lời khai của các bị can và các đối tượng liên quan phù hợp với tài liệu, chứng cứ khác mà Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập được.

Đối với đối tượng khác có mặt trong Phòng thời điểm kiểm tra gồm: Cao Mai Hồng Quế A, Lê Hoàng Thiên B, Nguyễn Đức P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu T, Huỳnh Hoàng T do chỉ sử dụng chất ma túy, không có sự bàn bạc, thống nhất trong việc mua ma túy để sử dụng chung. Quá trình điều tra không chứng minh được các đối tượng trên có hành vi tàng trữ ma túy nên Cơ quan Công an ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là có cơ sở.

Đối với đối tượng (không rõ lai lịch) bán ma túy cho Tuấn A và người đàn ông (không rõ lai lịch) cả ma túy cho nhóm sử dụng, quá trình điều tra chưa xác

định lại lịch, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 tiếp tục xác minh, làm rõ, khi nào có đủ cơ sở sẽ xử lý sau.

Đối với Lê Hoàng Trọng T, quá trình điều tra không chứng minh được T có hành vi giới thiệu Tuấn A cho đối tượng bán ma túy để mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 không xử lý tin là có căn cứ.

Vật chứng vụ án:

- 01(Một) gói niêm phong chứa 5,1529 gram ma túy loại Ketamine.

Thu giữ của Nguyễn Minh T :

- 01 đầu máy có in chữ LASER DISPLAY SYSTEM B012RGB/4.

- 01 đầu máy có in chữ “GCKM-5FX”.

- 01 đầu máy có in chữ “ARIEYE R100”.

- 01 máy tính xách tay; nhãn hiệu VAIO, số S/N: 54562510000343.

- 01 đầu máy có in chữ SHURE.

- 01 hộp đèn có số model: QS-172.

- 01 đầu máy có ghi chữ “Seven Stars Laser Display System, nhãn hiệu B500.

- 01 USB.

- 01 thiết bị phát sóng TP-Link có số S/N: 2188780002029.

- 02 bình sử dụng Shisa.

- 02 loa hiệu EV Electro Voice 2xA1 Sub.

- 01 đĩa màu trắng và 01 thẻ nhựa ATM.

- 01 đĩa màu trắng, 01 thẻ nhựa và 01 đoạn ống hút.

- 01 đầu thu Camera hiệu Vantech.

- 01 loa nghe nhạc màu đen.

- 01 hợp đồng thuê nhà số X Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 giữa Phan Thị Phương T và Đặng Thị T.

- 01 giấy chứng nhận kinh doanh BELLE BI.

- 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân mang tên Đặng Thị T.

Thu giữ của Phạm Lê Tuấn A:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 357264094961357.

- 700.000 đồng (tiền của V hùn).

Thu giữ của Trần Nguyễn Hoàng B:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 357329091768350.

- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei: 358573087662643.
- 01 ví da màu đen.

Thu giữ của Trần Tiến D:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 354451064248443.
- 01 giấy phép lái xe và 01 chứng minh nhân dân ghi tên Trần Tiến D.

Thu giữ của Đỗ Xuân H:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 357279096124127.
- 28.000.000 đồng.
- 01 xe ô tô hiệu Mazda loại CX-5, biển kiểm soát 60A-626.10, số máy PE31370186, số khung: 5726KM011115, qua xác minh xe trên do ông Đỗ Xuân H (cha của H) đứng tên đăng ký xe. Ngày 08/9/2019, ông H cho H mượn xe để chở khách (Bút lục 285,296).

Thu giữ của Hoàng Trung K:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 354860093124930.
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei: 35419810115265.
- 21.800.000 đồng.

Thu giữ của Lê Hữu N:

- 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei: 358868/05/006912/7.
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei: 352461072684697/01.
- 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, biển kiểm soát 59X2-749.39, số khung: RLHHC1212DY495671, số máy: HC12E-5495758. Qua xác minh, xe trên do bà Trần Thị N (mẹ của N) đứng tên đăng ký xe. Ngày 08/9/2019, bà N cho N mượn xe để đi lại (Bút lục 456, 458).

Thu giữ của Bùi Huy V:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 352027060426381.
- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 357277093859810.

Thu giữ của Nguyễn Hữu T:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số imei: 357264094087120.
- 01 điện thoại di động hiệu OPPO không kiểm tra được số imei do không khởi động được.
- 600.000 đồng.
- 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, biển kiểm soát 59N2-837.36, số khung DLHFJ5815GY086799, số máy JF66E-0086836. Qua xác minh, xe trên do ông Trần Xuân L đứng tên giấy đăng ký xe. Ông L cho biết xe trên do ông

đứng tên giúp cháu ruột là Trần Thị Trương Q. Bà Q cho biết ngày 07/9/2019 có cho T mượn sử dụng (Bút lục 571, 573, 582).

Thu giữ của Huỳnh Hoàng T:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353112101791131.
- 11.000.000 đồng.

Thu giữ của Nguyễn Văn T:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353104101417213.
- 01 giấy phép lái xe hạng C có ghi tên Nguyễn Văn T.

Thu giữ của Nguyễn Đức P:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 355426076837796.
- 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei: 357342086129439.

Thu giữ Lê Hoàng Thiên B:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 355834086721480.
- 4.000.000 đồng.

Thu giữ của Cao Mai Hồng Quế A:

- 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353815089344067.

Hiện Công an Quận 1 đang tạm giữ số vật chứng trên.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKSQ1 ngày 02 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Phạm Lê Tuấn A, Trần Nguyễn Hoàng B, Lê Hữu N, Bùi Huy V, Trần Tiến D, Hoàng Trung K, Đỗ Xuân H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Phạm Lê Tuấn A, Trần Nguyễn Hoàng B, Lê Hữu N, Bùi Huy V, Trần Tiến D, Hoàng Trung K, Đỗ Xuân H thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã nêu và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

+ Tuyên bố các bị cáo Phạm Lê Tuấn A, Trần Nguyễn Hoàng B, Lê Hữu N, Bùi Huy V, Trần Tiến D, Hoàng Trung K, Đỗ Xuân H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”;

+ Áp dụng điểm g khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt Phạm

Lê Tuấn A, Trần Nguyễn Hoàng B, Lê Hữu N, Bùi Huy V, Trần Tiến D, Đỗ Xuân H từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù và phạt mỗi bị cáo số tiền là 5.000.000 đồng.

+ Áp dụng điểm g khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; xử phạt Hoàng Trung K 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù và phạt bị cáo số tiền là 5.000.000 đồng.

+ Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an Quận 1, Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Lê Tuấn A, Trần Nguyễn Hoàng B, Lê Hữu N, Bùi Huy V, Trần Tiến D, Hoàng Trung K, Đỗ Xuân H đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác như biên bản bắt người phạm tội quả tang, Bản Kết luận giám định số 1736/KLGD-H ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh nên đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 02 giờ 20 phút ngày 08/9/2019, tại quán cà phê X số Y Công Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Phạm Lê Tuấn A, Trần Nguyễn Hoàng B, Lê Hữu N, Bùi Huy V, Trần Tiến D, Hoàng Trung K, Đỗ Xuân H đã đồng ý hùn tiền mua và cất giữ 5,1529 gram ma túy loại Ketamine nhằm mục đích sử dụng, hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ độc quyền của nhà nước về quản lý đối với các chất ma túy, gây mất trật tự trị an, an toàn của xã hội nên cần xử phạt nghiêm nhằm giáo dục và răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[4] Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt. Đối với các bị cáo Phạm Lê Tuấn A, Trần Nguyễn Hoàng B, Lê Hữu N, Bùi Huy V, Trần Tiến D, Đỗ Xuân H phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Phạm Lê Tuấn A, Trần Nguyễn Hoàng B, Lê Hữu N, Bùi Huy V, Trần Tiến D, Đỗ Xuân H không có tình tiết tăng nặng. Đối với bị cáo Hoàng Trung K thời điểm phạm tội có 01 tiền án tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tuy đã chấp hành xong án phạt tù nhưng vẫn chưa xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[6] Ngoài ra, căn cứ khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, áp dụng hình phạt bổ sung phạt mỗi bị cáo số tiền 5.000.000 đồng để sung công quỹ nhà nước.

[7] Quá trình điều tra không chứng minh được các đối tượng Cao Mai Hồng Quế A, Lê Hoàng Thiên B, Nguyễn Đức P, Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu T, Huỳnh Hoàng T có hành vi tàng trữ ma túy do chỉ sử dụng chất ma túy, không có sự bàn bạc, thống nhất trong việc mua ma túy để sử dụng chung nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận 1 không xử lý hình sự là có cơ sở.

[8] Đối với đối tượng (không rõ lai lịch) bán ma túy cho Tuấn A và người đàn ông (không rõ lai lịch) cả ma túy cho nhóm sử dụng, quá trình điều tra chưa xác định được lai lịch, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 tiếp tục xác minh, làm rõ, khi nào có đủ cơ sở sẽ xử lý sau là có cơ sở.

[9] Đối với Lê Hoàng Trọng T, quá trình điều tra không chứng minh được Tín có hành vi giới thiệu Tuấn A cho đối tượng bán ma túy để mua ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 1 không xử lý Tín là có cơ sở.

[10] Về xử lý vật chứng: Căn cứ quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015, cần tịch thu tiêu hủy: 01 (một) gói niêm phong bên ngoài, bên trong có 5,1529g ma túy loại Ketamine; 01 (một) đĩa màu trắng và 01 thẻ nhựa ATM, 01 đĩa màu trắng, 01 thẻ nhựa và 01 đoạn ống hút (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 16/20-PNK ngày 20/01/2020).

[11] Trả lại cho ông Đỗ Xuân H 01 xe ô tô hiệu Mazda loại CX-5, biển kiểm soát 60A-626.10, số máy PE31370186, số khung: 5726KM011115 do không liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020);

[12] Trả lại cho bà Trần Thị N 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, biển kiểm soát 59X2-749.39, số khung: RLHHC1212DY495671, số máy: HC12E-5495758 do bà Trần Thị N đứng tên chủ sở hữu do không liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020);

[13] Trả lại cho bà Trần Thị Trương Q 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, biển kiểm soát 59N2-837.36, số khung DLHFJ5815GY086799, số máy JF66E-0086836 do ông Trần Xuân L đứng tên giấy đăng ký xe giúp cháu ruột là Trần Thị Trương Q do không liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 12/20-PNK ngày 17/01/2020);

[14] Trả lại cho bị cáo Trần Nguyễn Hoàng B 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 357329091768350; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei: 358573087662643 và 01 ví da màu đen do không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm B khả năng thi hành án (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020);

[15] Trả lại cho bị cáo Trần Tiến D 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 354451064248443; 01 giấy phép lái xe và 01 chứng minh nhân dân ghi tên Trần Tiến D do không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm B khả năng thi hành án (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020);

[16] Trả lại cho bị cáo Đỗ Xuân Hoà 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 357279096124127 và số tiền 28.000.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm B khả năng thi hành án (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020);

[17] Trả lại cho bị cáo Hoàng Trung K 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 354860093124930; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei: 35419810115265 và số tiền 21.800.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm B khả năng thi hành án (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020);

[18] Trả lại cho bị cáo Lê Hữu N 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei: 358868/05/006912/7 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei: 352461072684697/01 do không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ

để đảm B khả năng thi hành án (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020);

[19] Trả lại cho bị cáo Bùi Huy V 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 352027060426381 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 357277093859810 do không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm B khả năng thi hành án (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020);

[20] Trả lại cho ông Nguyễn Hữu T 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số imei: 357264094087120, 01 điện thoại di động hiệu OPPO không kiểm tra được số imei do không khởi động được và số tiền 600.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 12/20-PNK ngày 17/01/2020);

[21] Trả lại cho ông Huỳnh Hoàng T 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353112101791131 và số tiền 11.000.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 12/20-PNK ngày 17/01/2020);

[22] Trả lại cho ông Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353104101417213 và 01 giấy phép lái xe hạng C có ghi tên Nguyễn Văn T do không liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 12/20-PNK ngày 17/01/2020);

[23] Trả lại cho ông Nguyễn Đức P 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 355426076837796 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei: 357342086129439 do không liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 12/20-PNK ngày 17/01/2020);

[24] Trả lại cho ông Lê Hoàng Thiên B 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 355834086721480 và số tiền 4.000.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 12/20-PNK ngày 17/01/2020)

[25] Trả lại cho bà Cao Mai Hồng Quế A 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353815089344067 do không liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020);

[26] Trả lại cho bà Nguyễn Minh T 01 đầu máy có in chữ LASER DISPLAY SYSTEM B012RGB/4, 01 đầu máy có in chữ “GCKM-5FX”, 01 đầu máy có in chữ “ARIEYE R100”, 01 máy tính xách tay; nhãn hiệu VAIO, số S/N: 54562510000343, 01 đầu máy có in chữ SHURE, 01 hộp đèn có số model: QS-172, 01 đầu máy có ghi chữ “Seven Stars Laser Display System, nhãn hiệu

B500, 01 USB, 01 thiết bị phát sóng TP-Link có số S/N: 2188780002029, 02 bình sử dụng Shisa, 02 loa hiệu EV Electro Voice 2xA1 Sub, 01 đầu thu Camera hiệu Vantech, 01 loa nghe nhạc màu đen, 01 hợp đồng thuê nhà số X Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 giữa Phan Thị Phương T và Đặng Thị T, 01 giấy chứng nhận kinh doanh X, 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân mang tên Đặng Thị T do không liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 327/19-PNK ngày 16/12/2019 và Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020);

[27] Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 357164094961357 và 700.000 đồng thu giữ của bị cáo Phạm Lê Tuấn A do có liên quan đến hành vi phạm tội.

[28] Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[29] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Phạm Lê Tuấn A, Trần Nguyễn Hoàng B, Lê Hữu N, Bùi Huy V, Trần Tiến D, Hoàng Trung K, Đỗ Xuân H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm g Khoản 1, Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Phạm Lê Tuấn A 01 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt giữ 08/9/2019.

Áp dụng điểm g Khoản 1, Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Hoàng B 01 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt giữ 08/9/2019.

Áp dụng điểm g Khoản 1, Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Trần Tiến D 01 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt giữ 08/9/2019.

Áp dụng điểm g Khoản 1, Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Đỗ Xuân H 01 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt giữ 08/9/2019.

Áp dụng điểm g Khoản 1, Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Lê Hữu N 01 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt giữ 08/9/2019.

Áp dụng điểm g Khoản 1, Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Bùi Huy V 01 năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt giữ 08/9/2019.

Áp dụng điểm g Khoản 1, Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt bị cáo Hoàng Trung K 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt giữ 08/9/2019

Áp dụng khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt các bị cáo Tuấn A, B, N, V, K, D, Hoà mỗi bị cáo số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói niêm phong bên ngoài, bên trong có 5,1529g ma túy loại Ketamine (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 16/20-PNK ngày 20/01/2020); 01 (một) đĩa màu trắng, 01 thẻ nhựa ATM, 01 đĩa màu trắng, 01 thẻ nhựa và 01 đoạn ống hút (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020);

- Trả lại cho ông Đỗ Xuân H 01 xe ô tô hiệu Mazda loại CX-5, biển kiểm soát 60A-626.10, số máy PE31370186, số khung: 5726KM011115 do không liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020);

- Trả lại cho bà Trần Thị N 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Wave, biển kiểm soát 59X2-749.39, số khung: RLHHC1212DY495671, số máy: HC12E-5495758 do bà Trần Thị N đứng tên chủ sở hữu do không liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020);

- Trả lại cho bà Trần Thị Trương Q 01 xe mô tô hiệu Honda, loại Vision, biển kiểm soát 59N2-837.36, số khung DLHFJ5815GY086799, số máy JF66E-0086836 do ông Trần Xuân L đứng tên giấy đăng ký xe giúp cháu ruột là Trần

Thị Trương Q do không liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 12/20-PNK ngày 17/01/2020);

- Trả lại cho bị cáo Trần Nguyễn Hoàng B 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 357329091768350; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei: 358573087662643 và 01 ví da màu đen do không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm B khả năng thi hành án (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020);

- Trả lại cho bị cáo Trần Tiến D 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 354451064248443; 01 giấy phép lái xe và 01 chứng minh nhân dân ghi tên Trần Tiến D do không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm B khả năng thi hành án (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020);

- Trả lại cho bị cáo Đỗ Xuân H 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 357279096124127 và số tiền 28.000.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm B khả năng thi hành án (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020);

- Trả lại cho bị cáo Hoàng Trung K 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 354860093124930; 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei: 35419810115265 và số tiền 21.800.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm B khả năng thi hành án (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020);

- Trả lại cho bị cáo Lê Hữu N 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei: 358868/05/006912/7 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung, số Imei: 352461072684697/01 do không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm B khả năng thi hành án (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020);

- Trả lại cho bị cáo Bùi Huy V 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 352027060426381 và 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 357277093859810 do không liên quan đến hành vi phạm tội nhưng tạm giữ để đảm B khả năng thi hành án (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020);

- Trả lại cho ông Nguyễn Hữu T 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số imei: 357264094087120, 01 điện thoại di động hiệu OPPO không kiểm tra được số imei do không khởi động được và số tiền 600.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 12/20-PNK ngày 17/01/2020);

- Trả lại cho ông Huỳnh Hoàng T 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353112101791131 và số tiền 11.000.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 12/20-PNK ngày 17/01/2020);

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353104101417213 và 01 giấy phép lái xe hạng C có ghi tên Nguyễn Văn T do không liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 12/20-PNK ngày 17/01/2020);

- Trả lại cho ông Nguyễn Đức P 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 355426076837796 và 01 điện thoại di động hiệu Nokia, số Imei: 357342086129439 do không liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 12/20-PNK ngày 17/01/2020);

- Trả lại cho ông Lê Hoàng Thiên B 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 355834086721480 và số tiền 4.000.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 12/20-PNK ngày 17/01/2020);

- Trả lại cho bà Cao Mai Hồng Quê A 01 điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 353815089344067 do không liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020);

- Trả lại cho bà Nguyễn Minh T 01 đầu máy có in chữ LASER DISPLAY SYSTEM B012RGB/4, 01 đầu máy có in chữ “GDKM-5FX”, 01 đầu máy có in chữ “ARIEYE R100”, 01 máy tính xách tay nhãn hiệu VAIO, số S/N: 54562510000343, 01 đầu máy có in chữ SHURE, 01 hộp đèn có số model: QS-172, 01 đầu máy có ghi chữ “Seven Stars Laser Display System, nhãn hiệu B500, 01 USB, 01 thiết bị phát sóng TP-Link có số S/N: 2188780002029, 02 bình sử dụng Shisa, 02 loa hiệu EV Electro Voice 2xA1 Sub, 01 đầu thu Camera hiệu Vantech, 01 loa nghe nhạc màu đen, 01 hợp đồng thuê nhà số X Công Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1 giữa Phan Thị Phương T và Đặng Thị T, 01 giấy chứng nhận kinh doanh X, 01 bản sao giấy chứng minh nhân dân mang tên Đặng Thị T do không liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 327/19-PNK ngày 16/12/2019 và Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020);

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone, số Imei: 357164094961357 và 700.000 đồng thu giữ của bị cáo Phạm Lê Tuấn A do có liên quan đến hành vi phạm tội (Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 25/20-PNK ngày 17/01/2020) .

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 135; 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Phạm Lê Tuấn A, Trần Nguyễn Hoàng B, Lê Hữu N, Bùi Huy V, Trần Tiến D, Hoàng Trung K, Đỗ Xuân H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Các bị cáo Phạm Lê Tuấn A, Trần Nguyễn Hoàng B, Lê Hữu N, Bùi Huy V, Trần Tiến D, Hoàng Trung K, Đỗ Xuân H và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Xuân H, bà Trần Thị N có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh;
- Cơ quan Thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Bị cáo;
- CCTHADS Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VP, HS./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Huynh